

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21/4/2022

V/v: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Ngọc Dung.

2/ Bà Dương Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Mỹ – Thư ký Toà án ND huyện Mê Linh

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Tháp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022. Về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1977.

HKTT: X11, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: X11, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Lỗ Văn Đ**, sinh năm 1975.

HKTT: X11, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: X11, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị T.

Vắng mặt: Anh Đ (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15/02/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị T và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 49 ngày 26/12/1995. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, chị T và anh Đ về chung sống với nhau tại gia đình anh Đ; ở X11, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; từ năm 2009 đến nay, vợ chồng có mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị T và anh Đ sống không hợp nhau trong tính cách; bất đồng trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng xô xát cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân

không có hạnh phúc; do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị T về nhà bố mẹ đẻ ở năm 2009 đến nay và từ đó vợ chồng sống ly thân và hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không kết quả; địa phương chưa hòa giải vì chị T và anh Đ không có đơn yêu cầu. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; chị T yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh Đ có 02 con chung là Lỗ Thị Th, sinh ngày 12/8/1997 và Lỗ Văn N, sinh ngày 18/12/1999. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Th và cháu N do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Hiện tại cháu Th và cháu N đã đủ tuổi thành niên; nên việc hai cháu ở với ai là quyền của các cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Chị T xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị T xin chịu cả.

Chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh giải quyết ly hôn giữa chị T với anh Đ tại Tòa án nhân dân huyện Mê Linh. Ngoài ra, chị T không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

** Trong biên bản tự khai đề ngày 01/3/2022, bị đơn anh Lỗ Văn Đ trình bày:* Anh Đ và chị Thủy kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 49 ngày 26/12/1995. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, chị T và anh Đ về chung sống với nhau tại gia đình anh Đ; ở X11, xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; từ năm 2009 đến nay, vợ chồng anh Đ có mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh Đ và chị T sống không hợp nhau trong tính cách; bất đồng trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng xô xát cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị T về nhà bố mẹ đẻ ở năm 2009 đến nay và từ đó vợ chồng sống ly thân và hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; chị T yêu cầu được ly hôn, anh Đ nhất trí ly hôn và hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung là Lỗ Thị Th, sinh ngày 12/8/1997 và Lỗ Văn N, sinh ngày 18/12/1999. Hai cháu đã đủ tuổi thành niên; nên việc hai cháu ở với ai là quyền của các cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Anh Đ xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị T xin chịu cả, anh Đ nhất trí.

Anh Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh giải quyết ly hôn giữa anh Đ và chị T tại Tòa án nhân dân huyện Mê Linh. Do điều kiện anh Đ đi làm ăn xa nên không tham gia trực tiếp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Đ. Ngoài ra, anh Đ không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chưa chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Qui định về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T.

- Chị Trần Thị T được ly hôn anh Lỗ Văn Đ.

- Về con: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Lỗ Thị Th, sinh ngày 12/8/1997 và Lỗ Văn N, sinh ngày 18/12/1999. Hai cháu đã đủ tuổi thành niên, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở: Chị T và anh Đ không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về việc “Tranh chấp ly hôn...” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Theo qui định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự “Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện”; khoản 1 “Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:”, điểm a “Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình theo qui định tại Điều 26...của bộ luật này”. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Mê Linh.

[3] Về thủ tục: Chị T và anh Đ đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm việc, giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; anh Đ có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt; Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ và dành quyền kháng cáo cho anh Đ theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã TL, huyện Mê Linh, thành phố Hà

Nội; Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 49 ngày 26/12/1995. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ đều xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; từ năm 2009 đến nay, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị T và anh Đ sống không hợp nhau trong tính cách; bất đồng trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị T về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2009 đến nay; từ đó vợ chồng sống ly thân, hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau.

Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và kéo dài; Tình cảm vợ chồng không còn; hạnh phúc gia đình không có, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu được ly hôn anh Đ; Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt, nhưng anh Đ có bản tự khai đồng ý ly hôn và hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ để giải phóng cho cả hai bên yên ổn làm ăn, ổn định cuộc sống, nuôi dạy con chung là phù hợp.

[4.2] Về con chung: Vợ, chồng chị T và anh Đ có 02 con chung là Lỗ Thị Th, sinh ngày 12/8/1997 và Lỗ Văn N, sinh ngày 18/12/1999. Hiện tại hai con chung đang ăn ở cùng chị T; hai con chung đã đủ tuổi thành niên theo qui định của pháp luật, nên không phải giao hai con chung cho ai trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hai con chung ở với ai là quyền của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai con chung đã đủ tuổi thành niên theo qui định của pháp luật, nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị T và anh Đ xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đ, chị T phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T.

- Chị Trần Thị T được ly hôn anh Lỗ Văn Đ.

[2] Về con chung: Vợ, chồng chị T và anh Đ có 02 con chung là Lỗ Thị Th, sinh ngày 12/8/1997 và Lỗ Văn N, sinh ngày 18/12/1999. Hai con chung đã đủ tuổi thành niên theo qui định của pháp luật, nên không phải giao hai con chung cho ai trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hai con chung ở với ai là quyền của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai con chung đã đủ tuổi thành niên theo qui định của pháp luật, nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Chị T và anh Đ xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị T phải chịu để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0020355 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Án xử sơ thẩm công khai, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận

- Các đương sự.
- VKSND HMê Linh.
- TAND TP Hà Nội.
- THADS huyện Mê Linh
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huy Duệ